

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đức Dũng và ông Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992; nơi đăng ký thường trú: khu N, ấp S, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: số 123, khu phố B, phường L, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* anh Lê Công C, sinh năm: 1982; nơi đăng ký thường trú và cư trú: khu N, ấp S, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người làm chứng:* bà Lê Thị N, sinh năm: 1956; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu N, ấp S, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Công C tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018. Đây là lần kết hôn thứ hai của chị và là lần kết hôn thứ ba của anh C. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh C nghiện rượu, thường xuyên uống say xỉn về chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: anh chị chưa có

con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy đăng ký hộ kinh doanh (bản sao), bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

* Bị đơn (anh Lê Công C) vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập nên không có lời trình bày. Tuy nhiên anh có gửi cho Tòa án đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt (thông qua bà Lê Thị N – là mẹ ruột của anh C) trong đó có nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; về con chung: không có nên không yêu cầu; về tài sản chung chung và nợ chung: không yêu cầu xem xét.

Tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị N giao nộp thay cho anh C gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh C, bà N (bản sao), đơn tự nguyện cai nghiện rượu và khai báo tình trạng cai nghiện, hợp đồng dịch vụ cai nghiện rượu (photo).

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh hồ sơ kết hôn giữa chị T và anh C, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 169/2016/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thanh Hóa và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; cả hai đương sự vắng tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp.

+ Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 50 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: do anh Cường nghiện rượu dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và cả 02 đều có nguyện vọng ly hôn nên đề nghị cho chị T và anh C ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về án phí: chị Thư phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Công C hiện cư trú tại xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

[2] Về tư cách tố tụng: Chị T là nguyên đơn, anh C là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 46 ngày 06/8/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T: Cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh C nghiện rượu, thường xuyên uống say xỉn về chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên anh chị đã ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Tuy anh C không có lời khai tại Tòa án, nhưng theo Đơn xin đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt ngày 28/4/2020 (BL 21) và Đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ngày 14/6/2020 (BL 44) anh C cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đồng thời, theo lời trình bày của bà Lê Thị N (là mẹ ruột của anh C) thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh C là do anh C nghiện rượu; và thực tế hiện nay anh C đang cai nghiện rượu bia tự nguyện tại TB; bà đã thông báo cho anh C biết nội dung khởi kiện của chị T và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C; trước yêu cầu của chị T thì anh C đồng ý ly hôn.

Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, HĐXX quyết định cho chị T và anh C ly hôn là phù hợp.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; Điều 55 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Công C được ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001839 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Lưu HS, AV.

(đã ký)

Hà Thế Nam